

Bản án số: 07/2024/HS-ST
Ngày: 11-03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn; Bà Trịnh Thị Thắng.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Văn Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** ông Đinh Thế Tâm- Kiểm sát viên sơ cấp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 11/03/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1974, tại Vụ Bản, Lạc Sơn, Hoà Bình. Nơi cư trú: phố Cháy, thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa (học vấn) 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Thành, sinh năm 1945 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1949. Chồng là Bùi Văn Xuân, sinh năm 1966 (đã chết) và có 02 con lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1997. Tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2023 đến ngày 01/12/2023 chuyển sang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt);

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bùi Thị B, sinh năm 1978. Địa chỉ: phố Chiềng Trào, quyền thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên vào ngày 20/10/2020, Bùi Thị B1 đã tìm gặp Nguyễn Thị B để vay số tiền là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) và thỏa thuận vay với mức lãi suất là 92.000đ/31.000.000đ/01 ngày (Chín mươi hai nghìn đồng trên ba mươi một triệu đồng trên một ngày). Đến tháng 10/2023, giữa

Bùi Thị B1 và Nguyễn Thị B chót với nhau là 1010 (Một nghìn không trăm mười) ngày lãi, tương ứng với số tiền lãi mà Bùi Thị B1 phải trả cho Nguyễn Thị B là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng). Tính đến nay, B1 đã trả cho B bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 3003111168999, mang tên Nguyễn Thị B, mở tại ngân hàng AGRIBANK và thanh toán tiền mặt với tổng số tiền là 39.310.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm mười nghìn đồng), tương ứng với 427 (Bốn trăm hai mươi bảy) ngày lãi. Số tiền còn lại là 53.690.000đ (Năm mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tương ứng với 583 (Năm trăm tám mươi ba) ngày lãi B yêu cầu nhưng B1 chưa trả.

Ngày 25/11/2023, biết hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình bị phát giác nên Nguyễn Thị B đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Căn cứ Công văn số: 67/TTGSNH, ngày 27/11/2023 của Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh tỉnh Hòa Bình, xác định: Mức lãi suất Nguyễn Thị B cho Bùi Thị B1 vay vượt quá 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị B đã thu lợi bất chính 32.056.849đ (Ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) và Nguyễn Thị B còn muốn thu lợi bất chính thêm 43.786.986đ (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng và các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 25/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình truy tố Nguyễn Thị B về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Thực hành quyền công tố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ **được trừ 06 ngày tạm giữ**.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

Về vật chứng vụ án: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, mặt sau có chữ iPhone, Model A1784 FCCID; BCG-E3092A IC; 579C-E3092A, điện thoại cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra máy móc bên trong là công cụ phương tiện Nguyễn Thị B sử dụng trong giao dịch vay lãi cần tịch thu sung công là phù hợp Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về các biện pháp tư pháp: đề nghị HĐXX căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Số tiền **31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng)** là số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị B cho bà Bùi Thị B1 vay để thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tuy nhiên số tiền này bà B1 chưa trả cho bị cáo nên bà B1 có trách nhiệm giao nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền lãi theo thỏa thuận bà B1 phải trả cho bị cáo B là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng). Nhưng thực tế bà B1 mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 39.310.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm mười nghìn đồng). Nên số tiền lãi bị cáo được hưởng theo mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.253.151đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng) cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 32.056.849đ (Ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) buộc bị cáo trả lại cho bà B1 theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng tháng 10 năm 2020 đến tháng 10 năm 2023, Nguyễn Thị B sử dụng số tiền 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng) của bản thân để cho bà Bùi Thị B1 vay với mức lãi suất vượt quá 5,4 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính số tiền 32.056.849đ (Ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) và còn nhằm thu lợi bất chính thêm 43.786.986đ (Bốn mươi ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Thị B đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực

kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội tại Cơ quan điều tra. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Xét thấy, có thể cho bị cáo hình phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra để cải tạo, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để tăng cường tính răn đe, giáo dục.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Số tiền **31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng)** là số tiền mà bị cáo Nguyễn Thị B cho bà Bùi Thị B1 vay để thu lợi bất chính cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên số tiền này bà B1 chưa trả cho bị cáo nên bà B1 có trách nhiệm giao nộp sung ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền lãi theo thỏa thuận bà B1 phải trả cho bị cáo B là 93.000.000đ (Chín mươi ba triệu đồng). Nhưng thực tế bà B1 mới trả cho bị cáo số tiền lãi là 39.310.000đ (Ba mươi chín triệu, ba trăm mười nghìn đồng). Nên số tiền lãi bị cáo được hưởng theo mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 7.253.151đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng) cần truy thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 32.056.849đ (Ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng) buộc bị cáo trả lại cho bà B1 theo quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, mặt sau có chữ iPhone, Model A1784 FCCID; BCG-E3092A IC; 579C-E3092A, điện thoại cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra máy móc bên trong là công cụ phương tiện Nguyễn Thị B sử dụng trong giao dịch vay lãi cần tịch thu sung công là phù hợp Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Nguyễn Thị B 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. **Được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 25/11/2023 đến ngày 01/12/2023) tương ứng với 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.** Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị B số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. **Về các biện pháp tư pháp:** Căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

2.1 **Buộc** bà Bùi Thị B1 có trách nhiệm giao nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền **31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng);**

2.2 Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị B số tiền 7.253.151đ (Bảy triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng) sung quỹ Nhà nước;

2.3 Buộc bị cáo Nguyễn Thị B trả lại cho bà Bùi Thị B1 số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 32.056.849đ (Ba mươi hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động màu vàng, mặt sau có chữ iPhone, Model A1784 FCCID; BCG-E3092A IC; 579C-E3092A, điện thoại cũ, đã qua sử dụng không kiểm tra máy móc bên trong (Theo đúng biên bản giao nhận vật chứng số 21 và phiếu nhập kho vật chứng ngày 30/01/2024 giữa Công an huyện Lạc Sơn và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lạc Sơn).

4. **Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHADS huyện Lạc Sơn;
- Công an huyện Lạc Sơn;
- UBND thị trấn Vụ Bản;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

